

Bản án số: 10/2018/HS-ST.
Ngày 08/02/2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Anh Tuấn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Bể.

2. Ông Nguyễn Văn Thực.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy – Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 108/2017/HSST ngày 27 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐST-HS ngày 18/01/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 21-3-1980.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1941 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12, sau đó nghỉ học ở nhà tham gia lao động tự do. Năm 1992 tham gia quân đội nhân dân Việt Nam đến năm 1995 trở về địa phương lao động tự do. Ngày 20/5/2015, bị Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/10/2017, đến ngày 07/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. Nguyễn Văn H, sinh ngày 25-12-1980.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tự N (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1940; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó nghỉ học ở nhà lao động tự do.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/10/2017, đến ngày 07/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

3. Nguyễn Hữu T, sinh ngày 05-9-1985.

Nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Lương Thị T, sinh năm 1988; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó nghỉ học ở nhà lao động tự do.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/10/2017, đến ngày 07/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

4. Nguyễn Văn K, sinh ngày 31-12-1988.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1957; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12, sau đó nghỉ học ở nhà lao động tự do.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/10/2017, đến ngày 07/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

5. Nguyễn Quốc D, sinh ngày 15-5-1977.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Như C, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1946; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh tháng 12/2017; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12. Tháng 9/1994 tham gia quân đội nhân dân Việt Nam đến tháng 6/1997 xuất ngũ về địa phương lao động tự do.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/10/2017, đến ngày 07/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

6. Trần Quốc T(tức Trần Thắng L), sinh ngày 04-6-1982.

Nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Trần Đình C, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1949; gia đình có 04 chị em, bị can là con thứ tư; vợ: Dương Thị V, sinh năm 1984; bị cáo có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12. Tháng 2/2000 tham gia quân đội nhân dân Việt Nam đến tháng 2/2002 xuất ngũ về địa phương lao động tự do.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/10/2017, đến ngày 07/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

7. Lưu Văn T, sinh ngày 14-10-1990.

Nơi cư trú: thôn T, xã Kim T, huyện H, tỉnh Thái Bình; Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn T, sinh năm 1968 và bà Hoàng Thị K, sinh năm 1964; gia đình có 02 chị em, bị can là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó nghỉ học ở nhà lao động tự do.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/10/2017, đến ngày 07/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

8. Nguyễn Thanh H, sinh ngày 29-7-1988.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12, sau đó nghỉ học ở nhà lao động tự do.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/10/2017, đến ngày 07/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Ngày 16/12/2017, bị bắt tạm giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Hiện bị can đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1940, nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

Người làm chứng:

Anh Phạm Quang H, sinh năm 1979, nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

Ông Phạm Khắc T, sinh năm 1957, nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1957, nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ ngày 04/10/2017, Nguyễn Quốc D; Nguyễn Văn Đ cùng trú tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nguyễn Hữu T; Trần Quốc T cùng trú tại thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình đến nhà Nguyễn Văn H ở thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình chơi. Tại đây, H, D, Đ, T và T rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Ba cây” bằng bộ bài Tú lơ khơ có sẵn tại gian phòng khách nhà H. Những người chơi quy định mức đánh thấp nhất là 10.000đ/01người/01ván, mức cao hơn tùy người chơi. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn K; Nguyễn Thanh H cùng trú tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Lưu Văn T trú tại thôn T, xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình đến nhà H cùng tham gia đánh bạc. Lúc này do đông người chơi nên các đối tượng thống nhất chuyển sang chơi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “Xóc đĩa”. T thua hết tiền nên không chơi nữa mà ngồi xem. H là người trực tiếp cắt quân vị từ quân bài tú lơ khơ và chuẩn bị bát, đĩa. Những người tham gia đánh bạc quy định mức đánh thấp nhất là 50.000đ/01người/01 ván, mức cao hơn tùy người chơi. Ban đầu, T là người cầm cái xóc đĩa, được khoảng vài ván thì T chuyển cho Đ cầm cái cho những người tham gia đánh bạc đặt cược tiền theo cửa chẵn hoặc cửa lẻ và cả hai đều trực tiếp tham gia đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc, D, Đ, T, T và K trích ra mỗi người 50.000 đồng để biếu bà Nguyễn Thị H (là mẹ đẻ của H). D là người thu tiền được 250.000 đồng đưa cho H, H cầm tiền đưa cho bà H. Đến 14 giờ 15 phút cùng ngày, các đối tượng đang đánh bạc, bị Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang. Vật chứng và tài sản thu giữ gồm: Thu trên chiếu bạc 01 bộ bài tú lơ khơ; 01 bát sứ, 01 đĩa sứ; 04 quân vị cắt từ quân bài tú lơ khơ; 01 kéo; 01 chiếu nhựa đều đã qua sử dụng và số tiền 12.250.000đ (*Mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Thu giữ trên người các đối tượng tham gia đánh bạc tổng số tiền 2.110.000 đồng (trong đó xác định có 1.930.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc). Thu giữ của bà Nguyễn Thị H 250.000 đồng.

Những người tham gia đánh bạc khai nhận về số tiền sử dụng vào việc đánh bạc, cụ thể như sau: Nguyễn Văn Đ mang theo 3.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc, ban đầu Đ đánh ba cây, sau chuyển sang đánh xóc đĩa, quá trình đánh có thắng, có thua, khi bị bắt quả tang đã vớt hết tiền xuống chiếu. Nguyễn Hữu T mang theo 1.100.000 đồng sử dụng để đánh bạc, ban đầu T đánh ba cây, sau chuyển sang đánh xóc đĩa, quá trình đánh có thắng, có thua, khi bị bắt quả tang đã vớt hết tiền xuống chiếu. Nguyễn Văn H có 50.000 đồng, vay của D 500.000 đồng sử dụng để đánh bạc, ban đầu H đánh ba cây, sau chuyển sang đánh xóc đĩa, quá trình đánh có thắng, có thua, khi bị bắt quả tang đã vớt hết tiền xuống chiếu. Nguyễn Quốc D mang theo 80.000 đồng sử dụng để đánh bạc, ban đầu D đánh ba cây, quá trình đánh thắng, cho H 500.000 đồng, sau chuyển sang đánh xóc đĩa, quá trình đánh có thắng, có thua, khi bị bắt bị cơ quan Công an quản lý số tiền 30.000 đồng. Nguyễn Quốc T mang theo 580.000 đồng, sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc hình thức đánh ba cây, quá trình đánh thua hết tiền, khi các đối tượng khác chuyển sang chơi xóc đĩa thì T không chơi nữa mà ngồi xem, khi bị bắt bị cơ quan Công an quản lý số tiền 180.000 đồng. Nguyễn Văn K mang theo 1.300.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc hình thức sóc đĩa, quá trình chơi thắng 600.000 đồng, bị Công an huyện quản lý số tiền 1.900.000 đồng khi bắt quả tang. Lưu Văn T mang theo 250.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc hình thức sóc đĩa, quá trình chơi có thắng, có thua, khi bị bắt quả tang đã vớt hết tiền xuống chiếu. Nguyễn Thanh H mang theo 50.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc hình thức sóc đĩa, đánh được 01 ván bị thua không chơi nữa mà ngồi xem.

Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc được xác định là 14.430.000 đồng (*Mười bốn triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trong đó số tiền Hưởng, D, Đ, T, T sử dụng đánh “Ba cây” là 5.130.000 đồng).

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Văn H; Nguyễn Hữu T; Nguyễn Văn K; Nguyễn Quốc D; Trần Quốc T; Lưu Văn T; Nguyễn Thanh H khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số 03/KSĐT ngày 26-12-2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Văn H; Nguyễn Hữu T; Nguyễn Văn K; Nguyễn Quốc D; Trần Quốc T; Lưu Văn T; Nguyễn Thanh H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1, điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (viết tắt là Bộ luật hình sự năm 1999).

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Văn H; Nguyễn Hữu T; Nguyễn Văn K; Nguyễn Quốc D; Trần Quốc T; Lưu Văn T; Nguyễn Thanh H về tội danh và điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng,

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Văn H; Nguyễn Hữu T; Nguyễn Văn K; Nguyễn Quốc D; Trần Quốc T; Lưu Văn T; Nguyễn Thanh H đã phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc Hội đề nghị tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; tuyên phạt bị cáo Nguyễn Quốc D từ 03 tháng đến 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo Đ, H, D cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo dõi, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, đề nghị tuyên phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 03 tháng đến 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo T, K cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình theo dõi, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 điều 46; Điều 20; Điều 30; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, tuyên phạt bị cáo Trần Quốc T từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 điều 46; Điều 20; Điều 30; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, tuyên phạt bị cáo Lưu Văn T từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p, khoản 1 điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thanh H từ 03 tháng đến 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 04-10-2017 đến ngày 07-10-2017.

Áp dụng khoản 3, Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, tuyên hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Văn H; Nguyễn Hữu T; Nguyễn Văn K; Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thanh H mỗi bị cáo từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ; 04 quân vị hình tròn cắt từ cây bài tú lơ khơ; 01 kéo cắt giấy chuôi màu tím; 01 bộ bài tú lơ khơ; 01 chiếu nhựa đều đã qua sử dụng. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 14.430.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc trong đó có 12.250.000 đồng thu trên chiếu bạc, 1.930.000 đồng thu trên người bị cáo K và bị cáo D và số tiền 250.000 đồng do bà Nguyễn Thị H giao nộp. Trả lại bị cáo Trần Quốc T số tiền 180.000 đồng là tiền của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Văn H; Nguyễn Hữu T; Nguyễn Văn K; Nguyễn Quốc D; Trần Quốc T; Lưu Văn T; Nguyễn Thanh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và đã được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 04/10/2017 tại nhà ở của Nguyễn Văn H (Bút lục từ số 120 đến số 125); Biên bản quản lý đồ vật, tài sản (bút lục số 267); lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1940 đều trú tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (Bút lục từ số 261 đến số 266), lời khai của những người làm chứng: anh Phạm Quang H, sinh năm 1979, trú tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; ông Phạm Khắc T, sinh năm 1957, trú tại thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình, ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1957, trú tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (Bút lục từ số 249 đến số 260) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ căn cứ nêu trên hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Văn H; Nguyễn Hữu T; Nguyễn Văn K; Nguyễn Quốc D; Trần Quốc T; Lưu Văn T; Nguyễn Thanh H đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1, điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 248: Tội đánh bạc.

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại điều 249 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.”

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng.”

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến trật tự công cộng, mất trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình các bị cáo. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo rủ nhau cùng đánh bạc. Bị cáo Đ cầm cái và đánh bạc với số tiền lớn nhất nên giữ vai trò đầu vụ. Bị cáo H là chủ nhà, là người cắt quân vị, chuẩn bị bát, đĩa và trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 550.000 đồng; bị cáo T là người cầm cái 3-4 ván và trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 1.100.000 đồng nên 2 bị cáo giữ vai trò thứ hai. Bị cáo K đánh bạc với số tiền 1.300.000 đồng, bị cáo D đánh bạc số tiền 80.000 đồng, khi đánh thắng cho bị cáo H vay 500.000 đồng đánh bạc và là người thu tiền 250.000 đồng của các bị cáo để biếu bà Hiên nên 2 bị cáo giữ vai trò thứ ba. Các bị cáo T, T, H tham gia đánh bạc với số tiền ít nên giữ vai trò thứ tư. Trong vụ án, các bị cáo khai số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 6.910.000 đồng, nhưng số tiền thực tế các bị cáo đánh bạc thu được là 14.430.000 đồng (trong đó thu trên chiếu bạc là 12.250.000 đồng và số tiền sử dụng vào việc đánh bạc thu trên người bị cáo K là 1.900.000 đồng, thu trên người bị cáo D là 30.000 đồng, số tiền trong khi đánh bạc, các bị cáo bỏ ra biếu bà H là 250.000 đồng. Do đó ngoài khoản tiền các bị cáo đã khai sử dụng vào việc đánh bạc thì các bị cáo còn phải chịu chung về khoản tiền 7.520.000 đồng trong việc tham gia đánh bạc và là căn cứ để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Quốc D, Trần Quốc T có thời gian tham gia quân đội nhân dân Việt Nam. Bố, mẹ bị cáo Nguyễn Văn Đ là những người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến. Bị cáo

Hưởng có bố đẻ là thương binh 2/4. Do đó các bị cáo Đ, D, H, T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[6] Xét thấy, ngoài bị cáo Nguyễn Văn Đ có nhân thân xấu, bị cáo H hiện đang bị tạm giam về hành vi “Trộm cắp tài sản” mà bị cáo thực hiện trước khi bị cáo cùng các bị cáo trong vụ án này phạm tội “Đánh bạc” thì các bị cáo Nguyễn Văn H; Nguyễn Hữu T; Nguyễn Văn K; Nguyễn Quốc D, Trần Quốc T và Lưu Văn T đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử thấy đối với bị cáo H cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi cuộc sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H; Nguyễn Hữu T; Nguyễn Văn K; Nguyễn Quốc D không cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách nhất định và đối với các bị cáo T, T chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[7] Ngoài hình phạt chính là hình phạt tù, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 còn quy định: Người phạm tội còn bị phạt tiền. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Đ, H, T, D, K. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Thanh H tham gia số tiền đánh bạc không lớn (50.000 đồng), bị cáo chỉ đánh 01 ván, sau đó thua không chơi nữa ngồi xem nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ tại chiếu bạc 01 bát sứ, 01 đĩa sứ; 04 quân vị hình tròn cắt từ cây bài tú lơ khơ; 01 kéo cắt giấy chuôi màu tím; 01 bộ bài tú lơ khơ; 01 chiếu nhựa đều đã qua sử dụng là những công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng đánh bạc, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ tổng số tiền 14.610.000 đồng, trong đó xác định có 14.430.000 đồng là tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc cần tịch thu sung quỹ Nhà nước (cụ thể thu trên chiếu bạc số tiền 12.250.000 đồng, số tiền do bà Nguyễn Thị H giao nộp là 250.000 đồng và tiền thu trên người của Nguyễn Văn K 1.900.000 đồng sử dụng đánh bạc; thu trên người của bị cáo Nguyễn Quốc D 30.000 đồng sử dụng đánh bạc) và số tiền 180.000 đồng thu giữa của bị cáo Trần Quốc T không sử dụng đánh bạc cần trả lại bị cáo T nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Văn H; Nguyễn Hữu T; Nguyễn Văn K; Nguyễn Quốc D; Trần Quốc T; Lưu Văn T; Nguyễn Thanh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Văn H; Nguyễn Hữu T; Nguyễn Văn K; Nguyễn Quốc D; Trần Quốc T(tức Trần Thắng L); Lưu Văn T; Nguyễn Thanh H phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc Hội:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08-02-2018).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08-02-2018)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08-02-2018)

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc Hội:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08-02-2018)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08-02-2018).

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 30; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc Hội: Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 10.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 30; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc Hội: Xử phạt bị cáo Lưu Văn T 10.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc Hội: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 04/10/2017 đến ngày 07/10/2017.

1.6. Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc Hội: Phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Quốc D mỗi bị cáo 3.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

1.7. Giao các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Quốc D cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình theo dõi, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Quốc D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

2.2 Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ; 04 quân vị hình tròn cắt từ cây bài tú lơ khơ; 01 kéo cắt giấy chuôi màu tím; 01 bộ bài tú lơ khơ; 01 chiếu nhựa đều đã qua sử dụng.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 14.430.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, trong đó có 12.250.000 đồng thu trên chiếu bạc, 1.930.000 đồng thu trên người bị cáo K và bị cáo D và số tiền 250.000 đồng do bà Nguyễn Thị H giao nộp.

2.3 Trả lại bị cáo Trần Quốc T số tiền 180.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Những vật chứng trên hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quản lý)

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội. Các bị cáo Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Văn H; Nguyễn Hữu T; Nguyễn Văn K; Nguyễn Quốc D; Trần Quốc T; Lưu Văn T; Nguyễn Thanh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị Hiên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Công an huyện Hưng Hà;
- THADS huyện Hưng Hà;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Anh Tuấn

